

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**  
**25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa**  
❧❧❧

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ II/2017**

Nơi gửi: .....

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40,963,104,287</b>	<b>35,355,879,273</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3,874,473,995</b>	<b>4,498,360,451</b>
1. Tiền	111		3,874,473,995	4,498,360,451
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	129		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9,360,033,279</b>	<b>9,680,274,468</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6,016,670,280	5,321,249,779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		984,317,106	814,953,521
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.3	4,099,086,440	5,280,938,715
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(1,740,040,547)	(1,736,867,547)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>26,883,744,034</b>	<b>20,765,384,545</b>
1. Hàng tồn kho	141		26,911,972,708	20,781,517,219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28,228,674)	(16,132,674)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>844,852,979</b>	<b>411,859,809</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	71,714,916	32,441,038
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		680,211,033	379,418,771
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		92,927,030	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10		

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40,398,493,148</b>	<b>41,007,647,374</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11,603,159,708</b>	<b>11,413,455,502</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	11,603,159,708	11,413,455,502
<i>Nguyên giá</i>	222		20,299,609,650	19,563,291,469
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(8,696,449,942)	(8,149,835,967)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế(*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế(*)</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.8</b>	<b>23,192,880,585</b>	<b>23,786,036,247</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		32,414,404,563	32,414,404,563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		(9,221,523,978)	(8,628,368,316)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4,733,330,710</b>	<b>4,733,330,710</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	4,733,330,710	4,733,330,710
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>869,122,145</b>	<b>1,074,824,915</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	869,122,145	1,074,824,915
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81,361,597,435</b>	<b>76,363,526,647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017**

<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>46,771,072,432</b>	<b>38,920,459,356</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37,096,072,432</b>	<b>29,245,459,356</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16,480,822,389	17,167,318,225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		221,652,309	235,645,449
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	182,925,559	387,016,321
4. Phải trả người lao động	314		254,599,376	653,859,240
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	815,643,772	801,643,630
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	346,080,590	199,436,972
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	18,298,180,000	9,483,829,363
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		496,168,437	316,710,156
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9,675,000,000</b>	<b>9,675,000,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	9,675,000,000	9,675,000,000
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
Trái phiếu chuyển đổi	339			
Cổ phiếu ưu đãi	340			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
Dự phòng phải trả dài hạn	342			
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34,590,525,003</b>	<b>37,443,067,291</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>34,590,525,003</b>	<b>37,443,067,291</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,000,000,000	30,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30,000,000,000	30,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,162,020,000)	(2,162,020,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5,788,394,010	4,588,394,010
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		964,150,993	5,016,693,281
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a			5,016,693,281
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		964,150,993	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>81,361,597,435</b>	<b>76,363,526,647</b>

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

10/07/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Quý này	Năm trước	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	86,586,222,942	70,790,811,025	163,601,148,367	134,175,575,214	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					545,454	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86,586,222,942	70,790,811,025	163,601,148,367	134,175,029,760	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	82,307,701,071	67,276,199,245	156,507,356,386	127,586,652,969	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,278,521,871	3,514,611,780	7,093,791,981	6,588,376,791	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	75,294,701	100,855,481	145,944,516	197,956,452	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	295,416,105	157,466,249	508,820,624	345,724,954	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		295,416,105	157,466,249	508,820,624	345,724,954	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	2,455,662,656	2,139,466,934	4,516,940,366	3,946,935,992	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	829,493,530	1,387,022,062	1,733,050,966	2,663,297,711	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		773,244,281	(68,487,984)	480,924,541	(169,625,414)	
( 30=20+(21-22)-(25+26)							
11. Thu nhập khác	31	VI.5	559,684,554	4,150,108,743	1,274,331,190	4,450,302,396	
12. Chi phí khác	32	VI.6	339,787,293	479,039,247	549,028,041	697,099,512	
13. Lợi nhuận khác	40		219,897,261	3,671,069,496	725,303,149	3,753,202,884	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		993,141,542	3,602,581,512	1,206,227,690	3,583,577,470	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	198,986,009	788,618,043	242,076,697	788,618,043	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52						
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		794,155,533	2,813,963,469	964,150,993	2,794,959,427	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		294	1,042	357	1,035	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71						

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017



Nguyễn Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOÀ - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1,206,227,690	3,583,577,470
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1,139,769,637	1,045,680,076
- Các khoản dự phòng	03	3,173,000	553,805,901
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(145,944,516)	(3,326,864,189)
- Chi phí lãi vay	06	508,820,624	345,724,954
- Các khoản điều chỉnh khác			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2,712,046,435	2,201,924,212
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16,275,927	2,541,070,744
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6,118,359,489)	1,548,852,736
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(781,327,112)	2,087,469,113
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	166,428,892	57,436,862
- Tiền lãi vay đã trả	13	(508,820,624)	(345,724,954)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(696,872,457)	(343,667,514)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(127,235,000)	(96,914,001)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5,337,863,428)</b>	<b>7,650,447,198</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(736,318,181)	(3,271,549,454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3,190,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	145,944,516	197,956,452
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(590,373,665)</b>	<b>116,406,998</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOÀ - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	từ đầu năm đến cuối	từ đầu năm đến cuối
			Năm nay	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		85,875,484,000	86,552,234,057
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(77,061,133,363)	(94,313,922,057)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,510,000,000)	(2,565,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>5,304,350,637</b>	<b>(10,326,688,000)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(623,886,456)	(2,559,833,804)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4,498,360,451	4,262,820,841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<b>3,874,473,995</b>	<b>1,702,987,037</b>

Người lập biểu

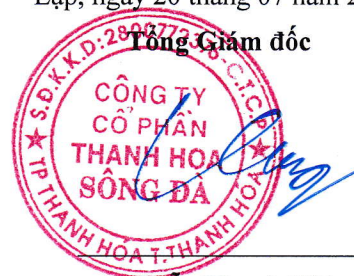
Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải



# CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và kinh doanh hàng hóa.

#### 4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 1	Lô G3 Khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P. Lam Sơn, TP Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 3	Số 301 đường Trần Phú, P.Ba Đình, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 6	Lô G3 Khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính..

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc Q2/2016 Công ty có 71 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 70 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính; và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

# CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không năm hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 20
Máy móc và thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 8

## 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 36

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **19. Công cụ tài chính**

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.815.080.546	2.415.633.265
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.059.393.449	2.082.727.186
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.874.473.995</u></b>	<b><u>4.498.360.451</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
Phải thu các khách hàng khác	6.016.670.280	5.321.249.779
<b>Cộng</b>	<b><u>6.016.670.280</u></b>	<b><u>5.321.249.779</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<b>984.317.106</b>	<b>814.953.521</b>
Công ty Cổ phần May Sông Hồng		725.908.295
CTY Hà Nội CHING HAI ELECTRIC WORKS CO.LTD	984.317.106	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đại Đồng Tiến		89.045.226
<b>Cộng</b>	<b><u>984.317.106</u></b>	<b><u>814.953.521</u></b>

### 4. Phải thu ngắn hạn khác

<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>4.099.086.440</b>	<b>403.478.300</b>	<b>5.280.938.715</b>	<b>403.478.300</b>
Phải thu tiền thưởng doanh số:	249 000 000		1.828.610.308	
<i>Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát</i>		-	877.033.960	-
<i>Công ty Hà Nội Chinghai Electric Works Co.ltd</i>	150.000.000	-	266.097.525	-
<i>Công ty CP Gốm sứ Hải Dương</i>		-	386.478.823	-
<i>Cty CP Phích nước Rạng Đông</i>	14 000 000	-	214.000.000	-
<i>Công ty CP May Sông Hồng</i>	85 000 000	-	85.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Tạm ứng	426.703.241	-	7.998.073	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	423.383.199	403.478.300	444.330.334	403.478.300
<b>Cộng</b>	<b>4.099.086.440</b>	<b>403.478.300</b>	<b>5.280.938.715</b>	<b>403.478.300</b>

### 5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>1.830.205.947</b>	<b>93.338.400</b>		<b>1.830.205.947</b>	<b>93.338.400</b>
Công ty Cổ phần Huy Phát – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	391.935.278	-	Trên 3 năm	391.935.278	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Thảo - tiền ứng trước thực hiện hợp đồng	Trên 3 năm	345.900.000	-	Trên 3 năm	345.900.000	-
Công ty TNHH Toàn Thắng TDT – phải thu tiền bán hàng	2 - 3 năm	331.690.000	-	1 - 2 năm	331.690.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6 tháng đến 1 năm	-	-	6 tháng đến 1 năm	-	-
	1 - 2 năm	172.870.000	86.435.000	1 - 2 năm	172.870.000	86.435.000
	2 - 3 năm	25.172.400	6.903.400	2 - 3 năm	25.172.400	6.903.400
	Trên 3 năm	562.638.269	-	Trên 3 năm	562.638.269	-
<b>Cộng</b>		<b>1.830.205.947</b>	<b>93.338.400</b>		<b>1.830.205.947</b>	<b>93.338.400</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.736.867.547	1.161.167.922
Trích lập dự phòng bổ sung	5.935.000	620.984.461
Hoàn nhập dự phòng		(45.284.836)
Xử lý công nợ không thu hồi được	2.731.000	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.740.040.547</b>	<b>1.736.867.547</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	26.902.927.254	20.781.517.219
Hàng gửi đi bán	9.045.454	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(28.228.674)	(16.132.674)
<b>Cộng</b>	<b><u>26.883.744.034</u></b>	<b><u>20.765.384.545</u></b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	71.714.916	32.441.038
Chi phí trả trước dài hạn	869.122.145	1.074.824.915
<b>Cộng</b>	<b><u>940.837.061</u></b>	<b><u>1.107.265.953</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	11.383.510.990	3.231.259.512	4.145.139.938	803.381.029	19.563.291.469
Mua trong năm			609.045.454	127.272.727	736.318.181
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>11.383.510.990</u></b>	<b><u>3.231.259.512</u></b>	<b><u>4.754.185.392</u></b>	<b><u>930.653.756</u></b>	<b><u>20.299.609.650</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	602.941.154	3.231.259.512	2.403.282.301	462.552.451	6.700.035.418
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.531.620.029	3.231.259.512	2.884.640.642	502.315.784	8.149.835.967
Khấu hao trong năm	362.603.429		146.087.460	37.923.086	546.613.975
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.894.223.458</u></b>	<b><u>3.231.259.512</u></b>	<b><u>3.030.728.102</u></b>	<b><u>540.238.870</u></b>	<b><u>8.696.449.942</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	9.851.890.961	-	1.260.499.296	301.065.245	11.413.455.502
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>9.489.287.532</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.723.457.290</u></b>	<b><u>390.414.886</u></b>	<b><u>11.603.159.708</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.313.117.510 VND và 0 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

**9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà và cơ sở hạ tầng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	32.414.404.563	8.628.368.316	23.786.036.247
Tăng nguyên giá trong năm			
Hao mòn trong năm	-	593.155.661	
<b>Cộng</b>	<b><u>32.414.404.563</u></b>	<b><u>9.221.523.978</u></b>	<b><u>23.192.880.585</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Siêu thị 301 Trần Phú	5.361.016.967	2.233.757.096	3.127.259.871
Trung tâm Thương mại 25 Lê Lợi	15.488.315.193	4289.249.976	11.199.065.217
Showroom Bắc Cầu Hạc	11.565.072.403	2.698.516.905	8.866.555.498
<b>Cộng</b>	<b>32.414.404.563</b>	<b>9.221.523.978</b>	<b>23.192.880.585</b>

Bất động sản đầu tư là Trung tâm Thương mại 25 Lê Lợi có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.413.743.785 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	4.733.330.710			4.733.330.710
<i>Công trình Bắc Cầu Hạc</i>	4.733.330.710			4.733.330.710
<b>Cộng</b>	<b>4.733.330.710</b>			<b>4.733.330.710</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>16.480.822.389</b>	<b>17.167.318.225</b>
Công ty Cổ phần Sứ Hải Dương	1.683.451.223	3.412.008.107
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	4.704.288.482	3.215.454.633
Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	3.101.459.982	2.814.810.670
CTY TNHH 1TV Quang điện - điện tử	2.741.461.000	719.646.000
CTY TNHH TM Hương Thủy	1.811.360.203	732.540.702
Các nhà cung cấp khác	2.438.801.499	6.272.858.113
<b>Cộng</b>	<b>16.480.822.389</b>	<b>17.167.318.225</b>

*Nợ quá hạn chưa thanh toán*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>	<b>1.149.630.540</b>	<b>1.149.630.540</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Hưng Yên	29.000.000	29.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hoà Phát	1.120.630.540	1.120.630.540
<b>Cộng</b>	<b>1.149.630.540</b>	<b>1.149.630.540</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>215.053.649</b>	<b>235.645.449</b>
Chị Yến Huy		60.731.800
Chị Nê		145.000.000
Các khách hàng khác	215.053.649	29.913.649
<b>Cộng</b>	<b>215.053.649</b>	<b>235.645.449</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	197.831.827	197.831.827	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.868.730	242.076.697	696.872.457	(92.927.030)
Thuế thu nhập cá nhân	24.807.163	192.809.758	34.691.362	182.925.559
Tiền thuê đất	340.428	928.738.077	929.078.505	
Các loại thuế khác	-	9.367.294	9.367.294	
<b>Cộng</b>	<b>387.016.321</b>	<b>1.570.823.653</b>	<b>1.867.841.445</b>	<b>89.998.529</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.206.227.690	3.583.577.470
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	4.155.794	1.050.000
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- <i>Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế</i>	4.155.794	1.050.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
- <i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận đã tính vào thu nhập chịu thuế năm trước theo Biên bản kiểm tra thuế</i>		
- <i>Điều chỉnh giảm khác</i>		-
Thu nhập chịu thuế	1.210.383.484	3.584.627.470
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>242.076.697</b>	<b>788.618.043</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>242.076.697</b>	<b>788.618.043</b>

**Tiền thuê đất, thuế nhà đất:** nộp theo thông báo cơ quan thuế**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn****14a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</b>	-	-
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.133.643.387</b>	<b>801.643.630</b>
Tiền thưởng doanh số	342.283.775	-
Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	473.359.997	801.643.630
<b>Cộng</b>	<b>815.643.772</b>	<b>801.643.630</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

**14b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn: 9.675.000.000đ**

Là doanh thu nhận trước của các hợp đồng cho thuê văn phòng dài hạn với Công ty TNHH Thương mại Sơn Thanh Phong, với thời hạn 47 năm 2 tháng.

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>3.672.542.568</b>	<b>199.436.972</b>
Tiền ký quỹ của người lao động	15.448.133	15.448.133
Cổ tức lợi nhuận phải trả	226.845.425	121.082.425
Kinh phí công đoàn	1.039.054	1.406.414
Bảo hiểm xã hội phải nộp	102.747.978	
Phải trả khác		61.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>346.080.590</u></b>	<b><u>199.436.972</u></b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Đây là số dư khoản vay Ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 3500/HS/2016/109/HĐTĐ ngày 29/9/2016, thời hạn cấp tín dụng đến 29/9/2017; với hạn mức là 23.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ công trình xây dựng trung tâm thương mại 25 Lê Lợi- Thanh Hóa và một số máy móc, thiết bị khác theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02-2014 THSD/BBĐG ngày 02 tháng 12 năm 2014.

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	<b>9.483.829.363</b>	13.894.093.000
Số tiền vay phát sinh	85.875.484.000	157.055.047.216
Số tiền vay đã trả	77.061.133.363	(161.465.310.853)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.298.180.000</u></b>	<b><u>9.483.829.363</u></b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	171.408.432	206.693.281	102.000.000	276.101.713
Quỹ phúc lợi	145.301.724	100.000.000	25.235.000	220.066.724
<b>Cộng</b>	<b><u>316.710.156</u></b>	<b><u>306.693.281</u></b>	<b><u>127.235.000</u></b>	<b><u>496.168.437</u></b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	30.000.000.000	(2.162.020.000)	4.588.394.010	5.016.693.281	37.443.067.291
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	964.150.993	
Trích lập các quỹ	-	-	1.200.000.000	1.506.692.281	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	3.510.000.000	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>	<b><u>(2.162.020.000)</u></b>	<b><u>5.788.394.010</u></b>	<b><u>964.150.993</u></b>	<b><u>34.590.525.003</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

**18b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**18c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 08/ĐHĐCD-NQ ngày 29 tháng 3 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 3.510.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.200.000.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành	: 306.693.281

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****19a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền ngoại tệ bao gồm 423,19 USD (số đầu năm là 423,19 USD).

**19b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	VND	VND	
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hoà Bình	70.000.000	70.000.000	Không có khả năng thu hồi
Các khách hàng khác	64.955.837	64.955.837	Không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>134.955.837</b>	<b>134.955.837</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	158.808.828.372	129.469.688.920
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.792.319.995	4.705.340.840
<b>Cộng</b>	<b>163.601.148.367</b>	<b>134.175.029.760</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	155.023.762.647	126.053.152.800
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.483.593.739	1.533.500.169
<b>Cộng</b>	<b>156.507.356.386</b>	<b>127.175.029.760</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	145.944.516	197.956.452
<b>Cộng</b>	<b>145.944.516</b>	<b>197.956.452</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	508.820.624	345.724.954
<b>Cộng</b>	<b>508.820.624</b>	<b>345.724.954</b>

**5. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		3.196.817.270
Tiền điện cho thuê mặt bằng	539.544.325	535.300.700
Hàng khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	733.713.521	705.581.426
Thu nhập khác	1.073.344	12.603.000
<b>Cộng</b>	<b>1.274.331.190</b>	<b>4.450.302.396</b>

**6. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		61.092.263
Tiền điện cho thuê mặt bằng	543.724.866	525.266.925
Chi phí phạt do thanh lý HĐ		105.000.000
Chi phí khác	5.303.175	5.740.324
<b>Cộng</b>	<b>549.028.041</b>	<b>697.099.512</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.020.535.073	999.989.700
Chi phí vật liệu quản lý	32.221.628	24.783.982
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.679.548	89.057.389
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.845.707	86.403.066
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-35.300.000
Chi phí dự phòng	18.000.000	553.805.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.051.767	35.043.117
Chi phí bằng tiền khác	617.717.243	909.514.556
<b>Cộng chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.733.050.966</b>	<b>2.663.297.711</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	2.062.783.537	1.823.361.732
Chi phí vật liệu, bao bì	303.540.367	172.517.972
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	71.640.834	56.476.244

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2017

**Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao TSCĐ	578.198.268	366.860.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.375.631	493.128.640
Chi phí bằng tiền khác	945.401.729	1.034.590.406
<b>Cộng chi phí bán hàng</b>	<b>4.516.940.366</b>	<b>3.946.935.992</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.249.991.332</b>	<b>6.610.233.703</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố****Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	423.082.377	342.835.587
Chi phí nhân công	3.083.318.610	2.823.351.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.178.199.637	1.045.480.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.427.398	528.171.757
Chi phí khác	2.474.557.049	3.403.695.020
<b>Cộng</b>	<b>7.733.585.071</b>	<b>8.143.733.872</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>242.076.697</b>	<b>788.618.043</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	562.909.595	551.099.310
Thù lao	210.000.000	210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>772.909.595</b>	<b>761.099.000</b>

**2. Thông tin về bộ phận**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Kinh doanh hàng hóa.
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh dịch vụ.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh đầu kỳ đang lấy theo số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tại Hà Nội (A&C)



Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Người lập biểu



Vũ Thị Lý  
Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2017



Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

